

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/09/2016)

1. CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 04. 3641 0799 Fax: 04. 3641 0800

Website: <http://vinafor.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181 888 Fax: 04.38181 888

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Phí Mạnh Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 04. 3641 0799

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	4
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:	5
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển	6
1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ	8
2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty.....	8
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	12
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 09/12/2016.....	12
3.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 09/12/2016.....	12
3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:	13
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VINAFOR, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VINAFOR, những công ty mà VINAFOR đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối,.....	13
4.1. Công ty mẹ của VINAFOR: Không có.....	13
4.2. Công ty mà VINAFOR nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối/liên kết:.....	13
5. Hoạt động kinh doanh	22
5.1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty	22
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
6.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2014 và 2015	24
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	26
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	26
7.2. Triển vọng phát triển của ngành	27
7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.	29
8. Chính sách đối với người lao động.....	29
8.1. Tình hình lao động.....	29
8.2. Chính sách đối với người lao động.....	30
9. Chính sách cổ tức	31
10. Tình hình tài chính	31
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản:	31
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	40
11. Tài sản	40



11.1. Tài sản cố định.....	40
11.2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	41
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn năm 2016 và 2017.....	43
12.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 và 2017 (*).....	43
12.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.....	43
13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	47
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty	49
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty	49
15.1. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội.....	49
15.2. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng	50
15.3. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex	51
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	52
1. Hội đồng quản trị.....	52
2. Ban kiểm soát	60
3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý	64
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	72
III. PHỤ LỤC	73



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: **Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần**
- Tên tiếng Anh: **Viet Nam Forestry Corporation – Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Vinafor**
- Vốn điều lệ đăng ký: **3.500.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ thực góp: **3.500.000.000.000 đồng**
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 21/11/2016
- Người đại diện pháp luật: Ông Phí Mạnh Cường – Tổng Giám đốc
Ông Cao Văn Thùy – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (+84-4) 36410799 Fax: (+84-4) 36410800
- Website: <http://vinafor.com.vn/>
- Logo của Công ty:



- **Giấy chứng nhận ĐKKD:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/09/2016
- **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**
 - + **Ngành, nghề kinh doanh chính**
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng
 - Khai thác gỗ

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- + **Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính**
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
 - Sản xuất đồ gỗ xây dựng
 - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
 - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- + **Ngành, nghề kinh doanh khác**
 - Tùy từng thời điểm và tình hình sản xuất, kinh doanh, Tổng Công ty có thể bổ sung các ngành, nghề khác mà Pháp luật không cấm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: VIF
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 350.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD (nếu có): 140.869.600 cổ phiếu. bao gồm:

TT	Đối tượng	Thời gian hạn chế	Số lượng CP
1	Cổ đông chiến lược – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Hạn chế chuyển nhượng 05 năm từ 01/09/2016 đến 31/08/2021	140.000.000
2	Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP	Hạn chế chuyển nhượng từ 01 đến 10 năm (*)	709.600
3	Công đoàn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP	Không được chuyển nhượng	160.000
	Tổng Cộng		140.869.600

(*): Thời hạn hạn chế chuyển nhượng của Cán bộ công nhân viên kể từ ngày 01/09/2016, do có rất nhiều cổ đông có thời gian hạn chế chuyển nhượng khác nhau.

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và quy định tại Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến thời điểm ngày 09/12/2016, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần là 0%.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (trước đây là Tổng công ty Lâm sản Việt Nam) là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 667 TCLĐ ngày 04/10/1995 của Bộ Lâm nghiệp (cũ) nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổng công ty được thành lập trên cơ sở sáp nhập 10 Tổng công ty, Liên hiệp các xí nghiệp trực thuộc Bộ Lâm nghiệp (cũ). Mô hình hoạt động của Tổng công ty thực hiện theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/03/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 04/11/1997, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 933/1997/QĐ-TTg xếp hạng Tổng công ty là doanh nghiệp đặc biệt.

Ngày 18/12/1997, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 3308 NN-TCCB/QĐ đổi tên Tổng công ty Lâm sản Việt Nam thành Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tổ chức lại theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty mẹ là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH MTV, theo Quyết định số 3390/QĐ-BNN-QLDN ngày 25/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 2360/TTg-ĐMDN đồng ý chủ trương cổ phần hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/10/2014, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 4691/QĐ-BNN-QLDN về việc tiến hành cổ phần hóa đồng thời

công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Hòa Bình, Đông Bắc, Ba Tơ, Sóc Trăng, La Ngà - Đồng Nai).

Ngày 14/01/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 97/QĐ-BNN-QLDN về việc chuyển giao nguyên trạng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam về Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quản lý.

Ngày 21/04/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Văn bản số 3224/BNN-QLDN về việc tiếp nhận nguyên trạng 02 Công ty lâm nghiệp từ UBND Tỉnh Lạng Sơn về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Ngày 25/04/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành các Quyết định số 655/QĐ-UBND và 656/QĐ-UBND về việc chuyển giao nguyên trạng 02 Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đình Lập và Lâm nghiệp Lộc Bình từ UBND tỉnh Lạng Sơn về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Ngày 10/07/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 2727/QĐ-BNN-QLDN về việc sửa đổi Quyết định số 4691/QĐ-BNN-QLDN ngày 29/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam và các Công ty con là Công ty TNHH một thành viên do Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ gồm: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình.

Ngày 09/11/2015 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Quyết định số 4624/QĐ-BNN-QLDN về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam;

Ngày 03/02/2016, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 215/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Ngày 21/04/2016 Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã tiến hành đấu giá lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mức giá khởi điểm là 10.100 đồng/CP. Giá đấu thành công cao nhất là 17.200 đồng/CP, giá đấu thành công thấp nhất là 10.100 đồng/CP, giá đấu thành công bình quân là 10.114 đồng/CP.

Ngày 12/8/2016, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chính thức chuyển Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Ngày 01/9/2016, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần chính thức hoạt động



theo Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102012 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010 thay đổi lần thứ 4 ngày 01/09/2016, vốn điều lệ là 3.500.000.000.000 đồng.

Đến nay, trải qua hơn 20 năm hoạt động, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày càng ổn định và phát triển bền vững, thể hiện bằng nhiều thành tích, giải thưởng, chứng chỉ đối với sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu sau:

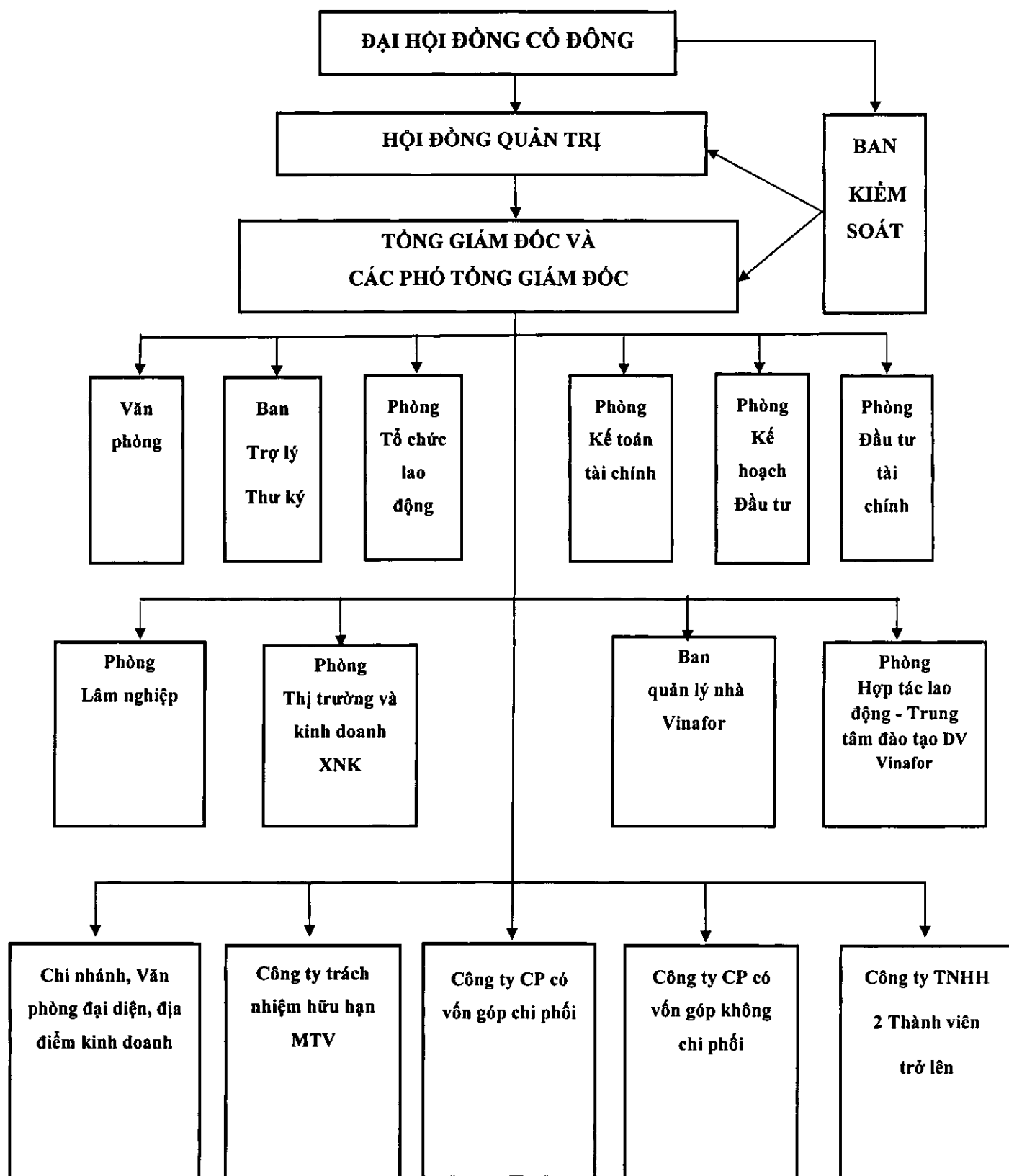
- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2015);
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2011);
- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005);
- Chứng chỉ rừng bền vững FSC (từ năm 2013);
- Danh hiệu Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng năm 2013 do Viện Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng;
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 (từ năm 2010);
- Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN lớn nhất Việt Nam từ năm 2010 do Viet Nam Report bình chọn.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/09/2016, vốn điều lệ ban đầu của Tổng Công ty là 3.500.000.000.000 đồng. Kể từ khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đến nay, Tổng Công ty chưa tiến hành tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày



26/11/2014. Các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Vinafor gồm:

❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ chính sau: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Tổng Công ty; thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 05 thành viên, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu từng thời điểm.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng Công ty.

❖ **Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Vinafor, là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của VINAFOR theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước

pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Các Phó Tổng Giám đốc:**

Vinafor có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Hiện Vinafor có 04 Phó Tổng giám đốc.

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về công tác Kế toán, hoạch định chiến lược và giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Các phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Tổng Công ty:**

Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Cơ quan Văn phòng Tổng công ty giúp việc cho Tổng giám đốc, thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Hiện nay, Vinafor có 10 phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ.

❖ **Các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng đại diện, Các công ty con, Công ty liên kết**

- *Chi nhánh, văn phòng Đại diện, địa điểm kinh doanh: (gồm 06 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 03 văn phòng đại diện)*

+ Chi nhánh Tổng công ty: là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Tổng công ty có 06 Chi nhánh tại: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Gia Lai.

+ Văn phòng Đại diện: Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quan hệ giao dịch với các đối tác và tổ chức liên quan tại một địa phương có quan hệ với Tổng Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty. Tổng công ty có 03 Văn phòng đại diện tại: Thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn và Tây Nguyên.

- *Công ty TNHH Một thành viên: (gồm 5 Công ty)*

- *Các công ty cổ phần có vốn góp chi phối: (gồm 13 Công ty)*

- Các công ty cổ phần có vốn góp không chi phối: (gồm 18 Công ty)

- Các công ty TNHH hai thành viên trở lên: (gồm 10 Công ty)

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 09/12/2016

Tên cổ đông	Số CMT/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	178.500.000	51,00%
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	100233223	Số 22 Hàng Chuối, P. Phạm Đình Hồ, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	140.000.000	40,00%
Tổng			318.500.000	91,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Vinafor tại ngày 09/12/2016)

3.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 09/12/2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	834	350.000.000	100 %
* Cá nhân	829	27.305.221	7,8 %
* Tổ chức	5	322.694.779	92,2%
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	834	350.000.000	100 %

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Vinafor tại ngày 09/12/2016)

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:

Công ty không có cổ đông sáng lập.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VINAFOR, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VINAFOR, những công ty mà VINAFOR đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối,

4.1. Công ty mẹ của VINAFOR: Không có

4.2. Công ty mà VINAFOR nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối/liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
I	Công ty Con							
1	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đình Lập	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập, Huyện Đình Lập - Tỉnh Lạng Sơn	025.3846278	4900142195	28.829	28.829	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tư	Km27, Quốc lộ 24, xã Ba Cung, huyện Ba Tư, Quảng Ngãi	055.3863250	4300271103	29.527	29.527	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
3	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đông Bắc	Số nhà 58, đường Xương Giang, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	025.3729286	2400120030	21.389	21.389	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
4	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Lộc Bình	Số 6 Khu Chộc Vằng, Lộc Bình Lạng Sơn	025.3840219	4900105789	23.304	23.304	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
5	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà – Đồng Nai	Huyện Định Quán- Tỉnh Đồng Nai	061.3853014	3600251307	72.466	72.466	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
6	Công ty Cổ phần Cẩm Hà	Khối 3, phường Thanh Hà, Thị xã Hội An, Quảng Nam	05103861319	4000101407	27.200	27.200	51,00%	Sản xuất sản phẩm từ gỗ
7	Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn	Số 9 Quang Trung, phường 11, Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	08.39327298	0300635522	24.000	24.000	51,69%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
8	Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng	815 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, Đà Nẵng	05113831259	0400422373	20.183	20.183	51,01%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
9	Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên	55 Nguyễn Lương Bằng, xã Hòa Thắng, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	05003862057	6001327746	12.195	12.195	68,58%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty cổ phần Long Bình	Khu công nghiệp Biên Hòa, Đồng Nai	061.3832808	3600251748	9.000	9.000	61,89%	Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản
11	Công ty cổ phần GLN	Số 6 Nguyễn Thành Ý, phường Đakao, quận I,	08.38248788	0304977171	10.000	10.000	51,00%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
	Vùng Nam Bộ	thành phố Hồ Chí Minh						giống
12	Công ty cổ phần LDS và XNK Hà Tĩnh	Xuân An, Xuân Nghi, Hà Tĩnh	039.3921372	3000171057	2.700	2.700	85,00%	Thu mua khai thác, chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội bộ
13	Công ty cổ phần GLN Vùng Bắc Trung Bộ	Thôn Dinh Lễ, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	052.3678329	3100381555	2.825	2.825	73,04%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
14	Công ty cổ phần GLN Vùng Bắc Bộ	Khu 1, xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	02103835047	2600381209	2.100	2.100	79,86%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
15	Công ty cổ phần Vinafor Vinh	Số 10, Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Nghệ An	038.3566828	2900325734	2.500	2.500	63,21%	Chế biến gỗ, lâm sản
16	Công ty cổ phần GLN Vùng Nam Trung Bộ	Tổ 19, cụm 4, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	056.3647545	4100649740	2.197	2.197	51,84%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
17	Công ty cổ phần GLN	60 Hùng Vương, phường	063.3822048	5800533831	2.217	2.217	51,00%	Sản xuất, cung ứng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
	Vùng Tây Nguyên	9, thành phố Đà Lạt						các loại hạt, cây giống
18	Công ty cổ phần GLN Vùng Đông Bắc	Số 246 đường Trần Quang Khải, thành phố Lạng Sơn	025.3814110	4900256386	1.600	1.600	67,69%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
I	Công ty liên kết							
19	Công ty TNHH Việt Nhật CBG&DG Dung Quất (*)	Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	0553632777	652022000024	13.134	13.134	49,00%	Sản xuất chế biến gỗ
20	Công ty TNHH SX NLG Việt Nhật (*)	Đường vào mỏ đá Hòa Nhơn, xã Hòa Nhơn, Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	05113831633	321022000063	55.353	55.353	39,97%	Sản xuất nguyên liệu giấy
21	Công ty TNHH SX NLG Việt Nhật Cái Lân (*)	Khu công nghiệp Cái Lân Phường Bãi Cháy TP.Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh	0333849878	222022000028	32.835	32.835	49,00%	Trồng rừng nguyên liệu và SX nguyên liệu giấy

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
22	Công ty TNHH SX NLG Việt Nhật Vũng Áng(*)	Số 91 Phan Đình Phùng Thị xã Hà Tĩnh	0393868094	282022000002	32.835	32.835	40,00%	Sản xuất nguyên liệu giấy
23	Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	Thôn Trung Giã Sóc Sơn - Hà Nội	38855080	011022000179	539.052	539.052	30,00%	Sản xuất và kinh doanh xe máy
24	Công ty LD Nuôi và Phát triển khi Việt Nam	Xã Tam Phước Huyện Long Thành Đồng Nai	0613511223	471023000078	41.854	41.854	40,00%	Chăn nuôi và XK Khi
25	Công ty TNHH NLG Quy Nhơn	Đường Tây Sơn P.Nhon Phú, Quy Nhơn	0563514069	4100259155	9.500	9.500	22,00%	Sản xuất nguyên liệu giấy
26	Công ty TNHH Việt Thành Thái	05 Thành Thái, P 14, Q 10, TP Hồ Chí Minh		4102070442	126.000	126.000	35,00%	Kinh doanh tổng hợp
27	Công ty TNHH MDF Vinafor - Tân An Hòa Bình	Xã Lạc Thịnh Huyện Yên Thủy Tỉnh Hòa Bình	02183851174	5400312242	50.000	50.000	49,00%	Sản xuất ván nhân tạo
28	Công ty TNHH Ván dán OJI - Vinafor Bắc Giang	Lô B (B3) KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		202022000161	63.000	63.000	40,00%	Sản xuất chế biến gỗ
29	Công ty CP TMLS Hà Nội	67 Ngô Thị Nhậm Hai Bà Trưng - Hà Nội	39781959	0100853241	18.000	18.000	30,00%	Kinh doanh nông, lâm, hải sản

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
30	Cty CP lâm nghiệp 19	Số 71 Tây Sơn TP.Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	0563746319	4100258994	21.000	21.000	30,00%	Chế biến gỗ
31	CtyCP Formach	Thị trấn Văn Điển Thanh Trì - Hà Nội	38613929	0100102809	13.045	13.045	27,78%	Chế tạo máy gia công gỗ, chế biến
32	CtyCP Cờ đỏ	Trung Giã - Sóc Sơn Hà Nội	38840342	0101328340	7.111	7.111	45,78%	Công nghiệp chế tạo, sửa chữa thiết bị, máy móc LN
33	CtyCP LN Miền Đông	324/9/15 Lý Thường Kiệt Phường 14 - Quận 10 TP.Hồ Chí Minh	0838642418	0301215721	9.000	9.000	30,00%	SX, mua bán nông lâm sản
34	Công ty CP LS Forprodex	84/1 Ngọc Khánh Ba Đình - Hà Nội	37719258	0100102573	9.900	9.900	27,25%	KD nông lâm hải sản, chế biến gỗ
35	Công ty CP XKNLS Sài Gòn	Số 9 Quang Trung P. 11 Gò Vấp TP.HCM	0838946118	0300644245	8.000	8.000	30,00%	Chế biến gỗ và lâm sản
36	Công ty CP 19/5 Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng H. Đoàn Hùng, Phú Thọ	02103880250	2600248623	4.000	4.000	49,00%	Khai thác, kinh doanh chế biến gỗ và lâm sản
37	Công ty CP CB LSXK PISICO Huế	Thôn Tam Vị, xã Tiến Lộc, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế		3103000086	15.000	15.000	13,01%	Trồng rừng, khai thác, KD chế biến gỗ và lâm sản;

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
38	CtyCP Kon Hà Nừng	Thị trấn Kbang Huyện Kbang Tỉnh Gia Lai	0593834535	3903000049	6.000	6.000	30,00%	Trồng rừng, chế biến gỗ
39	CtyCP Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn	Số 7/1 Thành Thái P.14, Q.10, TP.HCM	3838660815	0300634374	5.500	5.500	31,07%	SX, KD thiết bị phục vụ SX Gỗ
40	Công ty CP Xây lắp ĐTPT Nông lâm nghiệp Việt Nam	Vĩnh Quỳnh Thanh Trì - Hà Nội	38615529	0100103471	6.036	6.036	20,33%	Xây dựng, chế biến KD nông lâm sản
41	CtyCP Gỗ Lang Buôn Ma Thuật	Số 131 Phan Huy Chú Khánh Xuân TP.Buôn Mê Thuật Tỉnh Đắk Lắk	05003827155	6000449861	4.000	4.000	30,00%	Khai thác, sơ chế gỗ, chế biến
42	Công ty CP XNK Nafirimex Hà Nội	19 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	38261250	0103009012	3.600	3.600	30,00%	Khai thác, SX, chế biến, mua bán và XNK nông lâm sản
43	Công ty CP Vinafor Quảng Trị	Km số 3 - Đường 9A Đông Hà - Quảng Trị	0533585680	3200040911	8.000	8.000	13,13%	Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ
44	Công ty CP Giồng Lâm nghiệp TW	204 Hồ Tùng Mậu - Bắc Từ Liêm - Hà Nội	38372470	0100102566	2.000	2.000	48,10%	SX và KD các loại giống cây trồng
45	CtyCP LỚN mây tre XK	Số 14 Chương Dương Độ Quận Hoàn Kiếm Hà Nội	39322380	0100101883	2.600	2.600	35,00%	Chế biến gỗ và lâm sản

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
46	Công ty CP TMCN và chế biến gỗ	Km 11 Thị trấn Văn Điển Thanh Trì - Hà Nội	38615292	0100103094	2.700	2.700	29,69%	SX các loại ván nhân tạo

Ghi chú:

Nguồn: Vinafor

(* Vốn điều lệ các đơn vị này góp vốn bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng VNĐ theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2015.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Tổng Công ty hiện nay là một đơn vị có quy mô lớn trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng; sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, khai thác gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp... với phạm vi hoạt động trên toàn quốc. Qua hơn 20 năm trưởng thành và phát triển, Tổng Công ty luôn khẳng định được vai trò vị trí nòng cốt của mình trong lĩnh vực Lâm nghiệp và là doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, trong nghiên cứu Giống cây, Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ và Lâm sản . . . , cụ thể một số lĩnh vực dưới đây:

Nghiên cứu giống cây lâm nghiệp:

Tổng Công ty đầu tư nghiên cứu công nghệ sản xuất giống cây có năng suất cao phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng trên cả nước và được thị trường rất ưa chuộng, rừng trồng của Tổng công ty chủ yếu bằng công nghệ nuôi cấy mô nên cây rừng sinh trưởng tốt, kháng được sâu bệnh, và cho gỗ thương phẩm cao; năng suất bình quân từ 25 - 30m³/ha/năm. Hiện nay, các công ty giống của Tổng công ty đã sản xuất ra nhiều loại giống mới như: Bạch đàn Mô các loại, Keo Mô, Lim, Lát Hoa, Thông Nhựa, Tách...

Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng:

Bên cạnh trồng rừng kinh tế cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy ván nhân tạo, Tổng Công ty hiện đang triển khai trồng rừng thâm canh, trồng cây gỗ lớn và thực hiện thi công cơ giới trong sản xuất lâm nghiệp, đang và sẽ hướng tới áp dụng nghiêm quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý và khai thác rừng một cách bền vững theo chứng chỉ FSC nhằm đảm bảo mục tiêu Kinh tế - Xã hội - Môi trường, hiện diện tích rừng của Tổng Công ty đã được cấp chứng chỉ “FSC” chiếm hơn 21% diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC trong cả nước.

Sản xuất ván nhân tạo (MDF, Ván bóc, Ván ép):

Tại Việt Nam, Tổng Công ty là đơn vị đi đầu trong việc sản xuất ván MDF với dây chuyền hiện đại được đầu tư bởi công nghệ Châu Âu; việc sản xuất ván sợi ép (MDF) đã nâng cao hiệu suất sử dụng tối đa việc tận dụng các đầu ngọn, cành nhánh từ các loại cây rừng trồng. Năm 2012, Ván MDF Vinafor Gia Lai đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng giải thưởng “Bông Lúa Vàng lần thứ Nhất”. Ván MDF của Vinafor dùng để chế biến bàn ghế, giường tủ, khung cửa, cánh cửa, đồ dùng văn phòng, ốp trần, ốp tường, tạo vách ngăn, lót sàn nhà trong công trình xây dựng, với nhiều mẫu mã đa dạng, được thị trường ưa chuộng và được đánh giá cao ở

Việt Nam cũng như các nước đã tiêu thụ ván MDF. Với tính năng, công dụng và các chỉ số đạt được của ván MDF VINAFOR Gia Lai, sản phẩm này hoàn toàn có khả năng cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế . . .

Một số sản phẩm chính của Tổng Công ty như:

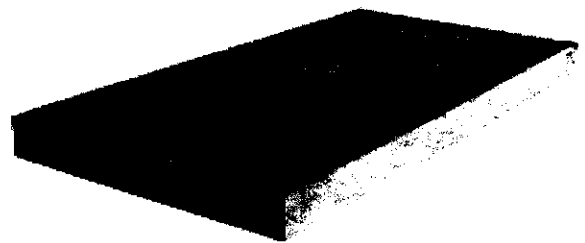
VÁN GHÉP THANH:

Gỗ ghép thông được ghép từ gỗ tự nhiên đã qua tẩm sấy và xử lý mối mọt. Gỗ ghép còn gọi là ván ghép thanh được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, gỗ được cưa, bào, phay, ghép bằng mộng răng cưa liên kết bằng keo nhập khẩu Phần Lan.



VÁN SỢI (MDF, HDF)

Ván Sợi (MDF) là ván nhân tạo có đặc tính cơ lý cao, kích thước lớn, phù hợp với công nghệ sản xuất đồ mộc nội thất trong vùng khí hậu nhiệt đới.



ĐỒ MỘC NỘI/NGOẠI THẤT

Tổng Công ty cung cấp các sản phẩm đồ mộc nội/ngoại thất chất lượng cao, kiểu dáng đa dạng



Ngoài hoạt động chính là lĩnh vực lâm nghiệp, trồng rừng và các sản phẩm chế biến từ rừng trồng thì Tổng Công ty cũng duy trì mảng dịch vụ trong cơ cấu doanh thu là cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vinafor, đây cũng đồng thời là Trụ sở chính của Tổng Công ty.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2014 và 2015

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (BCTC Công ty mẹ)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	
		Giá trị	% thay đổi so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	2.506.135	3.735.947	49,07 %
Vốn chủ sở hữu	2.176.995	3.502.831	60,90 %
Doanh thu thuần	1.045.813	1.203.829	15,11 %
Lợi nhuận từ hoạt động KD	201.417	156.950	-22,08 %
Lợi nhuận khác	(45.015)	2.138	-
Lợi nhuận trước thuế	156.402	159.088	1,72 %
Lợi nhuận sau thuế	155.979	158.878	1,86 %
Giá trị sổ sách đồng/Cổ phiếu	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2015 của VINAFOR
Vấn đề cần nhấn mạnh tại BCTC kiểm toán năm 2015 công ty mẹ:*

- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã điều chỉnh giá trị tài sản, nguồn vốn theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt theo Quyết định số 4624/QĐ-BNN-QLDN ngày 09/11/2015.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	
		Giá trị	% thay đổi so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	4.180.215	4.714.203	12,77 %
Vốn chủ sở hữu	3.419.140	4.053.124	18,54 %
Doanh thu thuần	1.897.876	2.085.795	9,90 %
Lợi nhuận từ hoạt động KD	228.498	307.781	34,70 %

Lợi nhuận khác	(35.472)	(5.122)	
Lợi nhuận trước thuế	193.026	302.660	56,80 %
Lợi nhuận sau thuế	186.807	294.455	57,63 %
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	183.366	290.240	58,28 %
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.441	4.116	19,62 %
Giá trị sổ sách đồng/Cổ phiếu	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của VINAFOR

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC kiểm toán năm 2015 hợp nhất:

- Tại thời điểm 31/12/2015, số dư khoản mục Hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm số dư của Công ty con – Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên với số tiền là 34,8 tỷ VND. Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho này. Tuy nhiên, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện và với các tài liệu đã được cung cấp, chúng tôi chưa thể đánh giá được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

- Tại thời điểm 31/12/2016, số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 53,1 tỷ VND và 48,6 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn chưa thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của số công nợ chưa được đối chiếu xác nhận.

- Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên đã thực hiện đánh giá mức độ tổn thất và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên chưa đầy đủ, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn chưa thể ước tính được số dự phòng phải trích lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên đang ghi nhận giá vốn đối với các công trình xây lắp nghiệm thu trong năm 2015 theo tỷ lệ ước tính. Với những tài liệu do công ty cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đưa ra ý kiến về giá vốn của các công trình xây dựng này.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã điều chỉnh giá trị tài sản, nguồn vốn theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

tại ngày 31/12/2014 đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt theo Quyết định số 4624/QĐ-BNN-QLDN ngày 09/11/2015.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Vinafor luôn giữ vị thế đứng đầu toàn ngành, dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển bền vững và sử dụng nguồn tài nguyên rừng một cách hợp lý, hiệu quả.

Hiện tại, Vinafor đang quản lý diện tích rừng và đất rừng lớn trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước. Bên cạnh việc trồng rừng tại các Công ty con và đơn vị trực thuộc, Vinafor còn hợp tác với nhiều đơn vị trồng rừng địa phương và hàng ngàn hộ dân dưới hình thức ký hợp đồng khoán sử dụng đất theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ, đầu tư vốn trồng rừng và bao tiêu sản phẩm. Công tác trồng rừng của Vinafor luôn hướng tới mục tiêu: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, góp phần thực hiện chủ trương định canh, định cư, xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc miền núi, phủ xanh đất trống đồi trọc, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Tại nhiều địa phương, vai trò của Vinafor ngày càng tăng, góp phần tích cực, quan trọng vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

Diện tích rừng trồng của Vinafor ngày càng mở rộng, chất lượng và sản lượng cây trồng ngày càng cao, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất ván nhân tạo, đồ mộc, dăm gỗ xuất khẩu, gỗ trụ mỏ và các nhu cầu sử dụng gỗ khác của xã hội.

Năng suất rừng trồng của Vinafor ngày càng tăng. Những năm 2005 về trước năng suất rừng trồng bình quân đạt 50-60 m³/ha. Từ năm 2006 đến nay, rừng trồng của Vinafor đã được trồng bằng cây giống được tuyển chọn phù hợp với điều kiện lập địa từng vùng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cao nên năng suất rừng đã được nâng lên, có những lô rừng đạt 120 m³/ha, đặc biệt là ở Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tư có những lô rừng đạt 140 m³/ha. Việc trồng rừng mang lại hiệu quả cao, đời sống của người dân trồng rừng ngày càng được nâng cao.

Là một trong ít đơn vị lâm nghiệp có diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC lớn trên cả nước, Vinafor luôn thường xuyên cải tiến, cập nhật, nâng cấp hệ thống quản lý rừng theo Tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng thế giới. Rừng của Vinafor luôn được tổ chức Woodmark đánh giá đạt kết quả duy trì chứng chỉ rừng FSC.

Bên cạnh đó, Vinafor luôn đi đầu trong việc áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực giống cây trồng, sản xuất và chế biến ván nhân tạo, đánh dấu sự chuyển đổi từ việc

hoàn toàn sử dụng gỗ rừng tự nhiên sang chủ yếu sử dụng gỗ rừng trồng. Việc chuyển đổi này rất có ý nghĩa, góp phần phát triển và sử dụng rừng một cách hợp lý, hiệu quả và bền vững, tạo thêm các sản phẩm đa dạng, có giá trị cao thoả mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, Vinafor đã liên doanh liên kết với các đối tác lớn và mang lại hiệu quả kinh tế cao như Tập đoàn Yamaha Motor (sản xuất xe máy), Tập đoàn Sojitz của Nhật Bản (chế biến dăm gỗ).

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sau ba năm triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/07/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành lâm nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận. Cụ thể, giá trị sản xuất ngành tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt bình quân 6,57%/năm, tăng đáng kể so với mức tăng trưởng bình quân 5,03%/năm trong giai đoạn 2010 - 2012, vượt mục tiêu đề án đề ra. 6 tháng đầu năm 2016, ngành lâm nghiệp đạt mức tăng trưởng tới 8,3%, mức tăng trưởng cao nhất của ngành từ trước đến nay.

Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản tăng mạnh, gấp hơn 2 lần trong vòng 5 năm, từ khoảng 3 tỷ USD/năm giai đoạn 2010 - 2012 lên 6,3 tỷ USD/năm giai đoạn 2013 đến nay. Trong 6 tháng đầu năm 2016, mặc dù bối cảnh thị trường quốc tế diễn biến phức tạp nhưng xuất khẩu gỗ và lâm sản vẫn tiếp tục tăng, đạt khoảng 2,7 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, tỷ trọng hàng chế biến tinh chiếm khoảng 85%. Dự báo, kim ngạch xuất khẩu năm 2016 đạt khoảng 7 - 7,2 tỷ USD. Những con số thống kê trên cho thấy tiềm năng xuất khẩu mặt hàng gỗ và lâm sản của Việt Nam là rất lớn.

Theo Tổng cục Lâm nghiệp, sắp tới ngành lâm nghiệp sẽ tiếp tục các kế hoạch đa dạng hóa thị trường thông qua việc xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm thích ứng với yêu cầu mới về nguồn gốc gỗ của EU và Hoa Kỳ, xây dựng Đề án gia nhập Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế ITTO. Một bước tiến quan trọng nữa là tiến hành đàm phán và chuẩn bị ký kết với EU về “Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi Lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản” (VPA/FLEGT); đặc biệt là hoàn tất ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 12 nước gồm: Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ và Việt Nam.

TPP được xem là hiệp định thương mại thế kỷ, mang tính lịch sử, lớn nhất trong vòng 20 năm qua. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam đã có những thỏa thuận quan trọng mở cửa thị trường với các nước TPP. Hàng loạt hàng hóa của Việt Nam sẽ được giảm thuế. Cụ thể,

với Mỹ, 100% kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Nhận thức của người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản đã thay đổi tích cực. Nhiều doanh nghiệp đã giảm dần tỷ lệ chế biến xuất khẩu dăm gỗ sang chế biến đồ gỗ xuất khẩu là chủ yếu nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu. Chỉ tính riêng 5 tháng đầu năm 2015, mặc dù sản lượng gỗ khai thác tăng khoảng 13% so với cùng kỳ năm 2014 nhưng lượng dăm gỗ xuất khẩu giảm khoảng 15%, trong đó chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Một số tỉnh trọng điểm xuất khẩu dăm gỗ như Bình Định đã ban hành kế hoạch ngừng sản xuất dăm gỗ xuất khẩu từ năm 2015 nhằm tạo nguyên liệu gỗ lớn cho sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu.

Công tác trồng rừng tiếp tục được các địa phương tích cực triển khai. Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp, trong 5 năm qua, bình quân mỗi năm cả nước trồng được 226.000 ha, trong đó rừng sản xuất khoảng 196.000 ha (chiếm 86,7%). Hàng ngàn chủ rừng tại 16 tỉnh thuộc 4 vùng là Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên đã triển khai trồng gần 2.000 ha rừng kinh doanh gỗ lớn. Hiện tổng diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn của cả nước lên đến 157.119 ha. Dự báo đến năm 2020, cả nước có khoảng 16,2 đến 16,5 triệu ha rừng, trong đó khoảng 50% là rừng sản xuất. Đây sẽ là nguồn nguyên liệu đầu vào rất quan trọng cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu, dự báo đạt 5 triệu m³ sản phẩm vào năm 2020. Đời sống của người dân trồng rừng ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, trong năm 2016 và các năm tiếp theo, ngành công nghiệp gỗ dự báo vẫn gặp phải những khó khăn nhất định như: sự phá giá đồng NDT và sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế của Trung Quốc, đồng Euro mất giá gây nên sự bất ổn về tỷ giá của đồng VND so với đồng tiền các nước xuất khẩu chủ yếu, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu xuất khẩu quy ra nội tệ của các doanh nghiệp; giá các nguyên nhiên liệu đầu vào như điện, nhân công tăng; thị trường trọng điểm chưa có những hợp đồng mua lớn ... Ngoài ra, ngành gỗ trong nước cũng đang bị thách thức từ hai vụ kiện chống bán phá giá tại thị trường Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ. Về Hiệp định TPP, theo Bộ Công Thương dự kiến mất từ 1,5 - 2 năm để được các nước thành viên thông qua.

Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện triển khai tái cơ cấu vẫn còn tồn tại khá nhiều hạn chế, chưa đồng bộ. Đến nay, còn nhiều tỉnh, thành phố chưa phê duyệt Đề án/Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tại địa phương mình.

Kết quả tái cơ cấu trong thực tiễn mới chỉ là bước đầu và chưa tạo được chuyển biến rõ rệt; tăng trưởng của ngành chưa thực sự vững chắc. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; kinh tế hộ nhỏ lẻ ngày càng bộc lộ những hạn chế, yếu kém; lâm trường quốc doanh/công ty

lâm nghiệp Nhà nước đổi mới tư duy còn chậm...

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những yếu kém chủ quan như nhận thức về tái cơ cấu ngành còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật chưa đạt hiệu quả cao trong khi sự liên kết giữa các tổ chức và doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Rất nhiều giống cây lâm nghiệp có hiệu quả đã được công bố, song keo và bạch đàn được ưa chuộng hơn vì nhu cầu thị trường.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện Tổng Công ty luôn phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra, dù ảnh hưởng của nền kinh tế, thị trường gây ảnh hưởng đến SXKD của Tổng Công ty. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, với mô hình công ty đã ổn định qua nhiều năm hoạt động khi là một doanh nghiệp Nhà nước, Tổng Công ty đã huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước. Tổng Công ty đã đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; hoàn thiện phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Tình hình lao động

Tính đến thời điểm 01/09/2016, Vinafor có 771 lao động.

Cơ cấu lao động của công ty

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
	Phân theo trình độ lao động	771	100%
1	<i>Trên đại học</i>	30	3,89
2	<i>Trình độ đại học và tương đương</i>	358	46,43
3	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp</i>	138	17,90
4	<i>Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề</i>	245	31,78
	Phân theo HĐ lao động	771	100%
1	<i>Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ</i>	31	4,02%
2	<i>Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	740	95,98%

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm		
4	Hợp đồng thời vụ		
	Phân theo giới tính	771	100%
1	Nam	551	71,47%
2	Nữ	220	28,53%

Nguồn: VINAFOR

8.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Tổng Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Tổng Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.

Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Tổng Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.

Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

b) **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

c) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tổng Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Tổng Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đòi lao động thiếu nghề nào Tổng Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

d) Chính sách lương và thưởng



CBCNV của Tổng Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Tổng Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

Năm 2015 thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên khoảng 8,7 triệu đồng/ tháng.

9. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổng Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. VINAFOR cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần ngày 12 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty dự kiến mức cổ tức của 4,5 tháng cuối năm 2016 là 2,29%.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Trích khấu hao TSCĐ:

Chi phí khấu hao TSCĐ của Tổng Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. cụ thể như sau:

TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------|-----------|
| ○ Nhà cửa vật kiến trúc | 06-50 năm |
| ○ Máy móc thiết bị | 03-20 năm |

- Phương tiện vận tải 06-10 năm
- Dụng cụ quản lý 03-10 năm
- Quyền sử dụng đất 50 năm
- Vô hình khác 02-20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Tổng công ty thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Tổng công ty thực hiện tính, kê khai và trích nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định. Như các khoản thuế, bảo hiểm...

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Tổng công ty thực hiện trích nộp các quỹ theo quy định hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Tổng dư nợ vay:

Tình hình dư nợ vay (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Tổng dư nợ vay	364.323.138.196	265.901.385.720
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	270.659.414.107	198.560.608.959
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	93.663.724.089	67.340.776.761

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

+ Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

STT	Số dư 31/12/2014	Số dư 31/12/2015	Ngân hàng	Thời hạn đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn					
1	2.387.458.441	-	NH Phát triển Thái Nguyên	8 năm	3%/năm	
2	64.208.718.572	-	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Hoàng Mai	12 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	
3	859.347.417	-	Khoản vay Quỹ đất CBCNV từ năm 1995			
4	2.000.000.000	2.000.000.000	NH TMCP Quân đội CN Quảng Ngãi	3 tháng	7%/năm	Cửa hàng xăng dầu chưa đăng ký sở hữu được xây dựng trên thửa đất số 02, tờ bản đồ 00 tại thôn Nam Lân, xã Ba Động, huyện Ba Tư, Quảng Ngãi
5	6.200.000.000	3.000.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	12 tháng	7%/năm	Tín chấp
6	54.663.365.956	42.383.877.834	NH TMCP Ngoại thương- CN Đà Nẵng	9 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	Theo Hợp đồng thế chấp Tài sản đảm bảo

						Nợ vay số 73/2014.VCB-ĐN ngày 26/04/2014
7	18.884.387.326	25.213.020.175	NH TMCP Công thương – CN Hội An	8 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp
8	38.227.283.971	51.991.861.658	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN 3 TP Hồ Chí Minh	6 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp
9	1.890.000.000	1.350.000.000	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa 1	6 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp
10	8.492.740.648	2.673.108.506	NH liên doanh Việt Nga	5 tháng	6,8%/năm	Công trình xây dựng của Công ty tại số 815 Ngô Quyền, Xe Inova biển số 43A-2089, Xe Camry 2,4 biển số 43A-3084 và hàng hóa tồn kho nguyên liệu chính – gỗ.
11	5.542.358.604	-	NH TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng			
12	1.800.000.000	11.619.824.898	NH Đầu tư và Phát triển Viế Nam – CN Hải Vân	5-6 tháng	6,4%/năm	Tín chấp

13	12.800.000.000	9.000.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hoàng Mai	12 tháng	7%/năm	Bảo lãnh của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 27/05/2015
14	332.307.475	26.947.050	NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Vinh	3 tháng	Lãi suất thả nổi có điều chỉnh	Hợp đồng tiền gửi số 02/HĐTG ngày 27/06/2015
15	8.000.000.000	7.450.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Hoàng Mai	6 tháng		Hợp đồng tiền gửi số 01060801-2015/HĐTGTCT
16	12.912.828.646	11.058.381.450	Các khoản vay cá nhân	06-12 tháng	Theo từng khế ước	Tín chấp
II	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					
1	26.000.000.000	25.000.000.000	NH Phát triển Gia Lai			
2	2.238.617.051	1.517.167.006	NH Phát triển Việt Nam – CN Hòa Bình			
3	-	906.540.382	Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật – Cái Lân			
4	3.220.000.000	2.350.000.000	NH Phát triển Việt Nam – CN Bắc Giang			
5	-	94.440.000	NH TMCP Ngoại thương			

			Việt Nam – CN3 TP Hồ Chí Minh			
6	-	150.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Lộc Bình			
7	-	775.440.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Đình Lập			

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

STT	Số dư 31/12/2014	Số dư 31/12/2015	Ngân hàng	Thời hạn đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
1	82.700.000.000	56.700.000.000	NH Phát triển Gia Lai	249 tháng	3%/năm	Tài sản thế chấp là Nhà máy ván sợi ép cường độ trung bình MDF Gia Lai
2	19.217.815.658	17.339.198.607	NH Phát triển Việt Nam – CN Hòa Bình	8 năm	5,4%/năm 8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	2.132.509.103	906.540.382	Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu giấy Việt Nhật – Cái Lân	7 năm	5,4%/năm	Tín chấp

4	5.570.000.000	2.350.000.000	NH Phát triển Việt Nam – CN Bắc Giang	Phụ thuộc vào thời gian thực hiện dự án	Theo từng khế ước vay	Tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay là rừng cây hình thành trong tương lai
5	-	389.059.250	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP HCM	60 tháng	Theo từng khế ước vay	Máy móc thiết bị
6	-	6.780.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Lộc Bình	120 tháng	11,5%, 12%, 13%, 15%, 21%/năm	Tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/HĐTC ký ngày 24/11/2009
7	-	149.451.500	Chi cục Phát triển Lâm nghiệp Lạng Sơn			
8	-	2.904.000.000	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Đình Lập	84 tháng	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp
9	-	320.284.500	Quỹ dự án nguyên liệu giấy			
10	11.852.016.379	6.295.830.910	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Tĩnh			
11	3.650.000.000	4.000.000.000	Các khoản vay cá nhân	36-60 tháng	Theo từng khế ước vay	Tín chấp

- Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
	Các khoản phải thu ngắn hạn	311.814.515.767	294.309.823.891
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	199.269.763.114	186.784.377.799
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.328.611.382	33.251.755.781
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	86.354.757.755	91.227.257.831
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.440.000.475)	(18.055.817.397)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	1.301.383.991	902.249.877
	Các khoản phải thu dài hạn	87.340.934.384	85.492.812.251
1	Phải thu về cho vay dài hạn	84.254.948.000	81.288.536.900
2	Phải thu dài hạn khác	3.085.986.384	4.204.275.351
	Tổng Cộng	399.155.450.151	379.802.636.142

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

- Các khoản phải trả

Các khoản phải trả ngắn hạn, dài hạn (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
	Nợ ngắn hạn	651.943.754.814	582.680.439.370
1	Phải trả người bán ngắn hạn	106.668.338.154	144.435.520.332
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.756.900.207	24.269.477.963
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	77.302.444.728	24.105.236.351
4	Phải trả người lao động	44.185.399.126	47.738.110.780
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	29.213.650.259	45.433.530.195
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.845.883.177	3.386.285.574

7	Phải trả ngắn hạn khác	67.039.383.185	64.812.809.927
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	270.659.414.107	198.560.608.959
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	21.262.222	5.763.215.667
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	35.251.079.649	24.175.643.622
	Nợ dài hạn	109.130.674.837	78.398.578.345
1	Phải trả người bán dài hạn	10.660.500	10.660.500
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	479.267.000
3	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	510.814.447	330.303.031
4	Phải trả dài hạn khác	7.489.090.626	7.806.090.565
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	93.663.724.089	67.340.776.761
6	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.126.362.240	2.431.480.488
7	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	330.022.935	-
	Tổng Cộng	761.074.429.651	661.079.017.715

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

- Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.004.642.155.000	1.089.315.010.914
-	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.004.642.155.000	1.089.315.010.914
2	Đầu tư tài chính dài hạn	1.539.932.705.658	1.666.518.528.288
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.515.136.531.842	1.641.665.398.069
-	Đầu tư vào góp vốn đơn vị khác	29.006.465.581	25.026.087.316
-	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.210.291.765)	(172.957.097)
	Tổng Cộng	2.544.574.860.658	2.755.833.539.202

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ số tài chính (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,73	3,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,89	2,55
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	18,21	14,02
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	22,26	16,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,60	2,86
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,45	0,44
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,84	14,12
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,36	7,16
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,39	6,16
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	12,04	14,76

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

11. Tài sản

11.1. Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	1.076.040.143.328	455.375.142.425	42,32
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	549.707.375.514	309.361.086.223	56,28
2	Máy móc thiết bị	410.290.741.970	93.898.905.273	22,89
3	Phương tiện vận tải, thiết bị	48.479.915.569	17.463.223.296	36,02

	truyền dẫn			
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	60.009.819.620	32.349.322.303	53,91
5	TSCĐ hữu hình khác	7.552.290.655	2.302.605.330	30,49
II	Tài sản cố định vô hình	48.257.311.857	27.520.398.515	57,03
1	Quyền sử dụng đất	28.068.059.874	24.665.504.461	87,88
2	Giá trị chuyển giao công nghệ MDF	20.119.251.983	2.850.227.384	14,17
3	Chương trình phần mềm	70.000.000	4.666.670	6,67
III	Bất động sản đầu tư	55.915.658.502	54.109.090.909	96,77
1	Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.806.567.593	-	-
2	Cơ sở hạ tầng (ii)	54.109.090.909	54.109.090.909	100,00
	Cộng	1.180.213.113.687	537.004.631.849	45,50

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2015 của Vinafor

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 119.867.354.957 đồng
- (i) Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê, số tiền: 1.806.567.593 đồng
- (ii) Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam: giá trị dự kiến 3.100 m² sàn sử dụng căn hộ tầng 11 + 12 của Dự án “Xây dựng, Khai thác và Kinh doanh Tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp” tại số 55 đường 430 Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội được xác định là 54.109.090.909 đồng.

11.2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
-	Khu du lịch sinh thái	6.865.839.341	6.865.839.341
-	Máy tách mũ gỗ nguyên liệu	-	7.648.089.619

-	Máy chà nhám	-	3.485.159.883
-	Nhà làm việc tại số 60 Hùng Vương – Đà Lạt	7.600.000.000	7.600.000.000
-	Trồng 10 ha Rừng kinh tế	-	334.898.144
-	Rừng cây lâu năm tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình	2.960.346.120	894.079.639
-	Mua sắm rừng keo lai	-	641.383.158
-	Sửa chữa công trình nhà làm việc 55 Nguyễn Lương Bằng	-	2.900.719.113
-	Các công trình khác	1.909.152.575	1.608.514.106
	Tổng Cộng	19.335.338.036	31.978.683.003

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của Vinafor

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn năm 2016 và 2017

12.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 và 2017 (*)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	4,5 tháng cuối năm 2016	Năm 2017
Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.500.000	3.500.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	750.000	1.814.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	116.000	239.000
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,47	13,18
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	3,31	6,83
Cổ tức	%	2,29%	6,1%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu 2016 của Vinafor

(*): Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần ngày 12/8/2016, Tổng Công ty thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh cho 4,5 tháng cuối năm 2016.

12.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Tổng Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

❖ Giải pháp về ngành nghề, thương hiệu và thị trường:

- Tăng cường công tác khảo sát, nghiên cứu, tìm hiểu mở rộng thị trường, kể cả các thị trường truyền thống và một số thị trường mới có tiềm năng.
- Tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát, tìm hiểu thị trường nước ngoài.
- Xây dựng kế hoạch phối hợp với các công ty chế biến gỗ cải tiến công nghệ và tạo ra những sản phẩm mới mang thương hiệu Vinafor trên thị trường, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước.
- Tăng cường và mở rộng khâu kinh doanh đặc biệt là kinh doanh nguyên liệu gỗ và dịch vụ (cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi) tại Cơ quan Văn phòng Tổng công ty để nâng cao hiệu quả. Mở rộng thị trường kinh doanh, đa dạng hóa các mặt hàng.
- Tổ chức nhập khẩu gỗ từ Châu Phi; các loại gỗ FSC từ Nam Mỹ và các nước khác đảm bảo hiệu quả kinh doanh và đáp ứng nhu cầu chế biến cho các đơn vị trong và ngoài Tổng công

ty.

- Các giải pháp về sản xuất:
 - Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị hiếu về mẫu mã sản phẩm và đặc biệt quan tâm lắng nghe ý kiến phản ánh từ khách hàng để hoàn thiện sản phẩm, tạo nên những ưu thế cạnh tranh.
 - Kiểm soát chặt chẽ chi phí, định mức tiêu hao nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- ❖ **Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:**
- Tập trung lựa chọn giống cây phù hợp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tạo ra đủ nhu cầu các loại giống cây lâm nghiệp có chất lượng cao, ứng dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh tiên tiến nhằm nâng cao năng suất rừng trồng và chất lượng gỗ phục vụ cho chế biến.
 - Việc đầu tư trồng rừng, khai thác, quản lý bảo vệ rừng phải tuân thủ chương trình quản lý rừng bền vững (FSC).
 - Phối hợp với các đơn vị chế biến gỗ cải tiến công nghệ và tạo ra những sản phẩm mới.
 - Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ và quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực.
- ❖ **Giải pháp về công tác Lâm nghiệp**
- Chỉ đạo các đơn vị lâm nghiệp phấn đấu hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2016; thực hiện việc giao khoán sử dụng đất theo Nghị định 135 của Chính phủ phù hợp về đối tượng nhận khoán, cơ chế giao khoán và quỹ đất của từng đơn vị trong Tổng công ty; chủ động trong công tác khai thác và thu hồi vốn rừng.
 - Tích cực tìm kiếm, mở rộng vùng nguyên liệu mới để tạo vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ hiện có và các nhà máy khác trong tương lai. Xây dựng các đề án đầu tư vùng nguyên liệu, trồng rừng gắn liền với các nhà máy sản xuất và chế biến.
 - Tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất và sử dụng giống cây trồng, thực hiện trồng rừng thâm canh quy trình tiên tiến để nâng cao năng suất rừng trồng.
 - Thực hiện việc khoán quản phù hợp để tăng trách nhiệm của các cá nhân, tập thể tại các đơn

vị lâm nghiệp trong công tác quản lý sử dụng đất đai, nâng cao năng suất hiệu quả từ trồng rừng và cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng xây dựng chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (FSC) đối với các đơn vị lâm nghiệp nhằm nâng cao trình độ quản lý rừng phù hợp với quy định trồng rừng quốc tế đồng thời nâng cao giá trị rừng trồng của Tổng công ty.
- Các đơn vị sản xuất chế biến gỗ giữ vững và tập trung khai thác triệt để các thị trường truyền thống, đồng thời cần chú ý phát triển thêm thị trường mới và đẩy mạnh các phương án sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất phục vụ nhu cầu trong nước.

❖ **Giải pháp về tài chính, vốn**

- Tích cực và chủ động tham gia thị trường tài chính để huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng và thoái vốn tại các công ty con và liên kết.
- Chú trọng công tác đầu tư, tăng cường liên doanh, liên kết với các đối tác trong ngoài nước đảm bảo có hiệu quả và kiên quyết không đầu tư ra ngoài ngành.
- Tăng cường hợp tác với các công ty thành viên thực hiện các phương án, dự án sản xuất và trồng rừng trên nguyên tắc bảo đảm an toàn vốn, hiệu quả và hai bên cùng có lợi.
- Chủ động, kịp thời trong việc luân chuyển vốn, đảm bảo đủ vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có kế hoạch hỗ trợ cho các đơn vị thành viên vay vốn để giải quyết khó khăn trong sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tài chính các công ty con theo kế hoạch hoặc đột xuất.

❖ **Giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động; lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp.
- Về công tác xây dựng cơ bản: Căn cứ vào mức độ quan trọng và tình hình thực tế của từng dự án, rà soát và ngừng thực hiện hoặc giãn tiến độ một số dự án kém hiệu quả.
- Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án đang xây dựng để đưa vào sử dụng, tích cực, nghiên cứu các dự án có hiệu quả cao.

❖ **Giải pháp nâng cao năng suất lao động**

- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức các tổ, đội sản xuất; đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ quản lý; sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, loại bỏ những khâu và công đoạn thừa, bất hợp lý.
- Đầu tư mua sắm các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại để tăng hiệu quả và năng suất lao động.

❖ **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**

Trong tương lai, Tổng Công ty nỗ lực để đảm bảo đội ngũ lãnh đạo đủ về lượng và đảm bảo sự kế thừa, liên tục trong toàn Tổng Công ty. Rà soát và bổ sung nguồn nhân lực cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc...; Đào tạo bổ sung và phát triển nguồn nhân lực có năng lực mới, sẵn sàng cho một cơ cấu tổ chức mới trong tương lai.

Tổng Công ty sẽ thực hiện đầu tư và phát triển nguồn nhân lực thông qua các hoạt động chính sau đây:

- *Hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, chế độ tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi đối với người lao động:*
 - + Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo yếu tố công bằng, dân chủ, ổn định lâu dài, tạo điều kiện và phát huy tài năng, có cơ chế động viên kịp thời khuyến khích các nhân tố tích cực, đề cao văn hóa ứng xử thân thiện của người sử dụng lao động đối với người lao động.
- *Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực:*
 - + Xây dựng và thực hiện kế hoạch nhu cầu phát triển nguồn nhân lực theo cơ cấu và quy mô của ngành nghề kinh doanh chính phù hợp yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh (bao gồm cả về số lượng và chất lượng).
 - + Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý ở các cấp trong toàn Tổng Công ty với nhiều hình thức để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược của Tổng Công ty.
 - + Tập trung đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho lực lượng kỹ sư, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ lực lượng công nhân kỹ thuật các ngành nghề.
 - + Xây dựng chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực: hỗ trợ kinh phí để cử CBCNV đi học tập và công tác tại nước ngoài. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.
- *Lập quy hoạch về công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo:*

- + Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn về điều kiện tiêu chuẩn về quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bổ nhiệm cán bộ.
- + Lựa chọn những cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, tâm huyết với VINAFOR và hội đủ phẩm chất đạo đức để đào tạo, bồi dưỡng và giao những trọng trách quan trọng.
- + Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý doanh nghiệp bằng cách cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước để tiếp thu, lĩnh hội, cập nhật những tri thức mới trong quản trị doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.
- + Thực hiện chính sách khuyến khích các trí thức trẻ phát huy mọi khả năng, sẵn sàng dề bạt họ vào những chức vụ lãnh đạo, quản lý nếu đủ điều kiện, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

❖ **Giải pháp về quản trị rủi ro**

- Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo VINAFOR và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.
- Thiết lập sổ tay quy trình quản trị rủi ro theo từng lĩnh vực hoạt động; thiết lập các phương pháp nhận diện, đánh giá và giải pháp kiểm soát rủi ro cho các bộ phận chuyên môn.
- Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.
- Kiện toàn và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ nhân viên nói chung và bộ phận trực tiếp kiểm soát rủi ro nói riêng ... Tiến tới thiết lập bộ phận quản lý rủi ro chuyên trách (thành lập Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ) chịu trách nhiệm chính về tham mưu quản trị rủi ro, thống kê rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận giám sát dự án đầu tư.
- Thống kê rủi ro.

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

❖ **Về lĩnh vực lâm nghiệp**

- Phát triển vùng nguyên liệu gắn với việc đầu tư các nhà máy chế biến gỗ, chế biến nhựa thông.

- Đẩy mạnh phát triển trồng rừng để phát huy hiệu quả sử dụng đất đai được nhà nước giao, cho thuê.
- Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân có đất để mở rộng quỹ đất, nâng cao diện tích rừng trồng hàng năm.
- Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến đặc biệt là công tác giống, từ năm 2016 trở đi Tổng Công ty sẽ trồng rừng quốc doanh đối với loài bạch đàn, keo bằng 100% cây mô. Lựa chọn giống mới, loài mới để nâng cao năng suất và chất lượng rừng.
- Kéo dài chu kỳ kinh doanh để kinh doanh gỗ có đường kính lớn.
- Tiếp tục duy trì và củng cố việc quản lý rừng theo tiêu chuẩn FSC và nâng cấp số hóa, đưa hệ thống bản đồ số vào quản lý rừng và đất rừng.
- Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ ván nhân tạo với công nghệ hiện đại trên cả 3 miền tạo ra những sản phẩm chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

❖ **Về lĩnh vực liên doanh liên kết**

- Tiếp tục chú trọng củng cố tốt các liên doanh nước ngoài hiện có, tăng cường và ưu tiên mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.
- Tích cực tìm các đối tác mới để mở rộng thêm các liên doanh nước ngoài có hiệu quả và phát triển các sản phẩm mới; tập trung đẩy mạnh công tác thị trường.

❖ **Về lĩnh vực chế biến gỗ**

- Đầu tư phát triển chế biến gỗ từ rừng trồng đặc biệt là nguồn nguyên liệu từ các đơn vị Lâm nghiệp của Tổng Công ty.
- Phát triển ván nhân tạo bao gồm: ván MDF, HDF, Plywood, ván ghép thanh...
- Tập trung công tác xúc tiến thương mại và tìm hiểu thị trường, khai thác triệt để các thị trường xuất khẩu truyền thống, đồng thời phát triển thêm thị trường mới. Xây dựng và đẩy mạnh triển khai các Dự án sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất phục vụ nhu cầu trong nước.
- Từng bước đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để sản xuất ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, hiệu quả đảm bảo đủ sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.

❖ **Về lĩnh vực kinh doanh**



- Tăng cường và mở rộng khâu kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại công ty mẹ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có.
- Mở rộng thị trường kinh doanh xuất nhập khẩu, đa dạng hóa các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- ❖ **Về đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Tổng Công ty**
 - Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban Tổng Công ty, đảm bảo chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
 - Kiện toàn, ổn định tổ chức Tổng Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối trung gian tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.
- ❖ **Về kỹ thuật công nghệ**
 - Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty

15.1. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội

Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, có vốn điều lệ là 18 tỷ đồng, trong đó Vinafor nắm giữ 30% vốn điều lệ.

Năm 2014, Vinafor phát sinh tranh chấp với Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội liên quan đến nội dung: Qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp HĐQT và Quyết định của HĐQT, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội buộc các cổ đông phải góp thêm tổng số vốn 29.200.800.000 đồng (thực chất là tăng vốn điều lệ) trong đó cổ đông Vinafor phải góp 8.760.240.000 đồng không đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần. Vinafor đã khởi kiện lên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hủy Biên bản họp HĐQT và Quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội về các nội dung này. Ngày 24/9/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành bản án số 46/2015/KDTM-ST chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vinafor và xử hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hủy Biên bản họp HĐQT và Quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội đang kháng cáo bản án sơ thẩm này.



Vinafor có tài sản là 343 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng trên diện tích đất 343m² nằm trong diện tích khuôn viên 1.795,8 m² đất tại số 67 Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Theo biên bản bàn giao tài sản từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, biên bản xác định phân chia, thống nhất quyền quản lý, sử dụng nhà 67 Ngô Thị Nhậm và phương án phân bổ tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp giữa Vinafor và Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội thì từ năm 1999, hàng năm, Vinafor vẫn đóng các loại tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp liên quan đến diện tích 343 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng cho Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội để Công ty cổ phần này nộp ngân sách Nhà nước. Vinafor có đầy đủ hồ sơ, tài liệu và cơ sở pháp lý khẳng định diện tích 343 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng (12 gian tầng 1) nằm trong diện tích khuôn viên 1.795,8 m² đất tại cơ sở nhà, đất số 67 Ngô Thị Nhậm là tài sản của Vinafor (tài sản Nhà nước giao cho Vinafor quản lý, sử dụng). Tuy nhiên, từ năm 2014, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội đã có văn bản gửi các Bộ ban ngành liên quan, UBND Thành phố Hà Nội và hiện nay đã khởi kiện ra tòa án. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã có thông báo thụ lý vụ án đề nghị xem xét lại quyền sở hữu tài sản nằm trên diện tích đất 343 m² tại số 67 Ngô Thị Nhậm nêu trên.

Ngoài ra, giữa Vinafor và Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội còn có tranh chấp khác liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ hoạt động và tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng của Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội. Tòa án Nhân dân TP Hà Nội đã có Bản án Sơ thẩm 23/2016 KDTM-ST ngày 21/6/2016 hủy kết quả Nghị quyết ĐHCĐ họp ngày 18/12/2015. Hiện tại Tòa án Nhân dân tối cao tại Hà Nội đã có thông báo tiếp nhận thụ lý để xét xử phúc thẩm.

Tháng 9/2016, Vinafor đã chính thức khởi kiện Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội ra trước Tòa án, yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 03/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty cổ phần thương mại Lâm sản Hà Nội đối với những nội dung:

- Thông qua việc hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 18/12/2015 do trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHCĐ chưa đúng với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản.

15.2. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng



Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, Tổng công ty đã thoái vốn hết năm 2011. Tuy nhiên Công ty còn nợ 369.863.238 đồng tiền cổ tức năm 2007 và tiền chậm trả thu của người lao động nghèo. Tòa án nhân dân TP Hải phòng đã có quyết định thi hành án số 627/QĐ-CCTHADS ngày 06/9/2016 yêu cầu Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng trả cho Tổng công ty số tiền trên.

15.3. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex

Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex có vốn điều lệ là 9,9 tỷ đồng, trong đó Vinafor nắm giữ 27,9% vốn điều lệ. Tổng công ty đang khởi kiện Công ty số tiền nợ gốc từ cổ phần hóa 2.876.848.132 đồng (chưa bao gồm tiền lãi) tại Tòa án nhân Quận Ba Đình, Tòa án đã có quyết định số 21/2016/KDTM-ST ngày 26/9/2016 tạm đình chỉ giải quyết vụ án để tiếp tục bổ sung chứng cứ, tài liệu.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng quản trị bao gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị; 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban phụ trách các lĩnh vực cụ thể theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Cao Văn Thù	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2.	Ông Lương Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
3.	Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4.	Ông Phí Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Điều hành
5.	Ông Nguyễn Tấn Cường	Thành viên HĐQT	Không điều hành

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Cao Văn Thù - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Cao Văn Thù
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13/6/1959
Nơi sinh : Xã Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu : 011797225
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 14/12/2013
Nơi cấp : CA Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : C40 Lô nhà vườn, Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
12/1984 – 05/1989	Cán bộ - Vụ Thương nghiệp vật tư – Bộ Tài chính
06/1989 – 05/1990	Cán bộ - Công ty Hóa chất
06/1990 – 01/1991	Phó phòng Kế toán - Công ty Hóa chất
02/1991 – 12/2004	Kế toán trưởng - Công ty Hóa chất
01/2005 – 12/2006	Chuyên viên chính - Công ty Hóa chất
01/2007 – 01/2009	Phó phòng – Phòng kế toán tài chính Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
02/2009 – 10/2010	Kế toán trưởng – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
11/2010 – 04/2012	Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
23/4/2012	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
05/2012 – 05/2013	Thành viên Hội đồng thành viên, Quyền Tổng giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
06/2013 – 09/2015	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
10/2015 – 7/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
8/2016 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 1.400 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu của Bộ : 62.475.000 cổ phần, chiếm 17,85% vốn điều lệ



NN&PTNT

Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Ông Lương Minh Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Lương Minh Tuấn
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 28/08/1974
 Nơi sinh : Bắc Ninh
 CMND/ Hộ chiếu : 011674989
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/05/2009
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 44 ngõ 36, phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
1995 – 2001	Kế toán phụ trách – Báo Đầu tư (Bộ kế hoạch và Đầu tư)
2001 – 2006	Kiểm toán viên chính – Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
2006 – 2007	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – Công ty cổ phần Goldsun Việt Nam
2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Chứng khoán An

	Bình
2011 – 2013	Giám đốc tài chính – Công ty cổ phần Nghe nhìn Toàn Cầu (AVG)
2013 -2014	Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tập đoàn Trí tuệ Việt
2015 – nay	Giám đốc Tài chính – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
8/2016 – nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT
 Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Tài chính – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu của Công ty CP Tập đoàn T&T : 87.500.000 cổ phần, chiếm 25,00% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Lê Quốc Khánh – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Lê Quốc Khánh
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 08/04/1965
 Nơi sinh : Yên Bái
 CMND/ Hộ chiếu : 015065000014
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 27/8/2015
 Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phòng 1108, 172 Ngọc Khánh. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại :

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân cao cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
1987 – 1991	Giảng viên – Đại học Tài chính Kế toán
1991 – 1993	Kế toán tổng hợp – Công ty Thái Bình Dương (nay thuộc Bộ Công An)
1993 – 1994	Kế toán tổng hợp – Liên hiệp xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội (UNIMEX)
1994 – 1995	Phó phòng Kế toán – Công ty sản xuất hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ Hà Nội (ARTEX Hà Nội)
1995 – 1996	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu – Công ty sản xuất hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ Hà Nội (ARTEX Hà Nội)
1996 – 1998	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng phòng Kế toán – Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu than (COALIMEX)
1998 – 2004	Trưởng phòng xuất nhập khẩu 5 – Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu than (COALIMEX)
2004 – 2005	Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu than (COALIMEX)
2005 – 2010	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần du lịch thương mại Thanh Nhân
2010 – 2015	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần thuốc lá Cao Bằng
11/2015 – 4/2016	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần thuốc lá Cao Bằng
4/2016 – nay	Giám đốc tài chính – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
8/2018 – nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT
 Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc tài chính – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu :
 - Đại diện sở hữu của Công ty CP Tập đoàn T&T : 52.500.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d) Ông Phí Mạnh Cường – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Họ và tên : Phí Mạnh Cường
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 28/11/1969
 Nơi sinh : Bắc Giang
 CMND/ Hộ chiếu : 024069000008
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 14/3/2014
 Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 24, tổ 11, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
8/1997 – 10/2003	Cán bộ - Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội

11/2003 – 12/2004	Phó phòng – Phòng KHKD Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội
01/2005 – 12/2006	Ủy viên HĐQT, Giám đốc – Xí nghiệp KDCB&BQNLS Hà Nội – Công ty Thương mại LS Hà Nội
01/2007 – 12/2009	Ủy viên HĐQT, Tổ đại diện vốn – Công ty cổ phần TMLS Hà Nội
03/2010 – 05/2010	Chuyên viên, Trợ lý Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
06/2010 – 01/2011	Trưởng phòng – Phòng kinh doanh XNK3 Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
02/2011 – 02/2012	Trưởng phòng – Phòng kinh doanh XNK3 Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vinafor Gia Lai
03/2012 – 9/2013	Trưởng phòng – Phòng Kinh doanh XNK3 Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinafor Gia Lai
10/2003 – 09/2015	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
10/2015 – 07/2016	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
08/2016 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 2.500 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu Bộ NN&PTNT : 53.550.000 cổ phần, chiếm 15,30% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có



e) Ông Nguyễn Tấn Cường – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Tấn Cường
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 26/10/1962
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/ Hộ chiếu : 001062003380
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 22/7/2015
 Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 314, tổ dân phố số 4, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
4/1993 – 11/1995	Chuyên viên – Phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Cơ khí Lâm nghiệp
12/1995 – 5/1999	Chuyên viên – Phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
6/1999 – 8/2010	Phó phòng – Phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
9/2010 – 7/2016	Trưởng phòng – Phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
06/2012 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống Trung Ương
03/2016 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên
02/2012 – nay	Ủy viên HĐQT Công ty gỗ lạng Buôn Ba Thuột
8/2016 – nay	Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị
 Chức vụ tại tổ chức khác : - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống Trung Ương
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên
 - Ủy viên HĐQT Công ty gỗ lạng Buôn Ma Thuột
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 3.600 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu Bộ NN&PTNT : 35.700.000 cổ phần, chiếm 10,20% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan (Vợ : 3.500 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
 Ngô Thị Thu Hiền)
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Ông Nguyễn Tân Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Ông Vũ Văn Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

a) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Mạnh Hùng
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 18/09/1980
 Nơi sinh : Yên Bái
 CMND/ Hộ chiếu : 013142016
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/02/2009

Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 203 B11 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Đại học
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
9/2003 – 5/2007	Kiểm toán viên – Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
6/2007 – 8/2014	Phó trưởng phòng kiểm toán – Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
8/2014 – 12/2015	Phó trưởng phòng phụ trách Kiểm toán nội bộ - Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco
1/2016 – nay	Giám đốc Ban kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
8/2016 – nay	Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Ban kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : Không có
 - Đại diện sở hữu : Không có
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Ông Nguyễn Tân Việt – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Tân Việt
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13/8/1960
Nơi sinh : Nghệ An
CMND/ Hộ chiếu : 121017747
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 25/8/2011
Nơi cấp : Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 160, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang
Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Lâm nghiệp
Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
11/1985 – 3/1993	Cán bộ - Xí nghiệp Xây lắp công trình
4/1993 – 2/1995	Phụ trách Kế toán – Xí nghiệp Xây lắp công trình
3/1995 – 6/1998	Kế toán trưởng – Xí nghiệp Xây lắp công trình
7/1998 – 7/2000	Phó Giám đốc – Xí nghiệp Xây lắp công trình
8/2000 – 8/2008	Phó phòng – Phòng kế toán tài chính Công ty rừng Nguyên liệu Miền bắc
9/2008 – 3/2010	Phó phòng kế toán tài chính – Công ty Lâm nghiệp Đông Bắc
4/2010 – 12/2011	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc
01/2012 – 5/2012	Phó Giám đốc – Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc
6/2012 – 6/2013	Quyền Giám đốc – Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc

7/2013 – 11/2013	Giám đốc – Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc
12/2013 – 7/2016	Kiểm soát viên – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
8/2016 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban Kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 4.100 cổ phần, chiếm 0,0012% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : Không có
 Sở hữu của người có liên quan (Vợ Lê Thị Giang) : 1.400 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Vũ Văn Hùng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Vũ Văn Hùng
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 03/10/1969
 Nơi sinh : Hải Phòng
 CMND/ Hộ chiếu : 031069000056
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 30/6/2014
 Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : P408 – C9 – Quỳnh Mai, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư lâm nghiệp

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
4/1998 – 5/2005	Chuyên viên – Phòng lâm nghiệp Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam
6/2005 – 4/2009	Phó phòng – Phòng lâm nghiệp Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam
5/2009 – 4/2012	Giám đốc – Công ty ván dăm Thái Nguyên
5/2012 – nay	Trưởng phòng – Phòng Lâm nghiệp Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần
07/2015 – nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập
10/2015 – nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình
8/2016 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban kiểm soát
Trưởng phòng - Phòng Lâm nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác : - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình.

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân sở hữu : 3.700 cổ phần, chiếm 0,0011% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
-----------	------------------	----------------

1.	Ông Phí Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
2.	Ông Bùi Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Hà Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc
4.	Bà Ngô Thị Thúy Mai	Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

a) Ông Phí Mạnh Cường – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Bùi Quang Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Bùi Quang Dũng
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 25/8/1957
 Nơi sinh : Hưng Yên
 CMND/ Hộ chiếu : 033057000081
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/03/2015
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 102 Ngõ 1, Phạm Tuấn Tài, Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư lâm nghiệp
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
10/1982 – 6/1985	Cán bộ kỹ thuật – Viện điều tra quy hoạch rừng
6/1985 – 4/1993	Cán bộ kỹ thuật – Liên hiệp các Xí nghiệp gỗ trụ mỏ
4/1993 – 8/1995	Phó phòng kỹ thuật – Liên hiệp các Xí nghiệp gỗ trụ mỏ
8/1995 – 3/1996	Quyền trưởng phòng kỹ thuật – Liên hiệp các Xí nghiệp gỗ trụ mỏ
3/1996 – 5/1997	Trưởng phòng nguyên liệu và kỹ thuật lâm sinh – Công ty

	rừng nguyên liệu miền Bắc
5/1997 – 4/2002	Giám đốc, bí thư chi bộ - Xí nghiệp thiết kế và phục vụ trồng rừng Lâm nông nghiệp Đông Bắc
4/2002 – 6/2005	Phó phòng Lâm nghiệp – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
6/2005 – 7/2006	Quyền trưởng phòng Lâm nghiệp – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
7/2006 – 3/2008	Trưởng phòng Lâm nghiệp – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
4/2008 – 2010	Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
2010 – 9/2016	Thành viên Hội đồng thành viên - Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
04/2009 – nay	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Việt Nhật – Vũng Áng
9/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty TNHH nguyên liệu giấy Việt Nhật – Vũng Áng
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 3.300 cổ phần, chiếm 0,0009% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : Không có
 Sở hữu của người có liên quan (Em trai Bùi Quang Hạnh) : 4.800 cổ phần, chiếm 0,0014% vốn điều lệ
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Hà Xuân Mai – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Hà Xuân Mai
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 10/10/1958
 Nơi sinh : Nghệ An



CMND/ Hộ chiếu : 113276955
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 06/12/2010
 Nơi cấp : Hòa Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 38, tổ 12, Chăm mát, Hòa Bình
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư kinh tế Lâm nghiệp
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
9/1978 – 3/1987	Trưởng phòng kỹ thuật – Lâm trường đoàn kết
4/1987 - 1/1990	Đội trưởng trồng rừng – Lâm trường Sông Đà
2/1990 – 4/1998	Phó giám đốc – Lâm trường Sông Đà
5/1998 – 12/2002	Giám đốc Lâm trường – Lâm trường Kim Bôi
1/2003 – 2/2004	Phó Giám đốc – Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình
3/2004 – 12/2010	Giám đốc – Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình
1/2011 – 10/2012	Phó phòng Lâm nghiệp – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
11/2012 – 10/2013	Phó phòng Kế hoạch – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
11/2013 – 3/2014	Trưởng phòng Kế hoạch thị trường – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
05/2014 – nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc
04/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
4/2014 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
 Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân sở hữu : 4.300 cổ phần, chiếm 0,0012% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : Không có
- Sở hữu của người có liên quan (Con Hà Văn Khánh) : 2.900 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d) Bà Ngô Thị Thúy Mai – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Ngô Thị Thúy Mai
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/9/1973
- Nơi sinh : Hưng Yên
- CMND/ Hộ chiếu : 012127065
- Ngày cấp/Ngày hết hạn : 17/04/1998
- Nơi cấp : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 6-7 A2 tập thể 125C Minh Khai, Hà Nội
- Điện thoại : 04 36410799
- Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
10/1994 – 6/1995	Văn thư – Công ty XNK Nông thổ sản – Bộ Thương mại tại TP Hồ Chí Minh
6/1995 – 2/1996	Văn thư – Công ty KTCB Lâm sản Gia Nghĩa thuộc TCT Lâm nghiệp Việt Nam
2/1996 – 12/2006	Chuyên viên – Văn phòng Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
12/2006 – 5/2008	Phó Chánh văn phòng – Văn phòng Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
2/2009 – 9/2013	Chánh văn phòng – Văn phòng Tổng Công ty Lâm nghiệp

	Việt Nam
01/2014 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam
2013 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam.
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 4.000 cổ phần, chiếm 0,0011% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan (Em Ngô Gia Thắng) : 2.100 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Nguyễn Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Trung Kiên
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 4/12/1974
 Nơi sinh : Tuyên Quang
 CMND/ Hộ chiếu : 011637440
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 16/2/2006
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 32/219 Nguyễn Ngọc Nại, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
---------------	---------------------------



Đến tháng/ năm	
6/1996 – 10/2001	Nhân viên kế toán – Tổng Công ty Lâm sản Việt Nam
11/2001 – 9/2013	Kế toán trưởng – Công ty liên doanh sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng
10/2013 – 3/2014	Trưởng phòng, trợ lý Hội đồng thành viên – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
4/2014 – 4/2016	Trưởng phòng kế hoạch thị trường kiêm Trợ lý Hội đồng thành viên – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
10/2013 – nay	Chủ tịch HĐQTV Cty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ dăm Dung Quất
12/2013 – nay	Thành viên HĐQTV Cty TNHH nguyên liệu giấy Việt Nhật- Cái Lân
08/2014 – nay	Chủ tịch HĐQTV Cty TNHH MTV La ngã – Đồng Nai
07/2015 – nay	Thành viên HĐQTV Cty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn
5/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

- Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác : - Chủ tịch HĐQTV Cty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ dăm Dung Quất
- Thành viên HĐQTV Cty TNHH nguyên liệu giấy Việt Nhật- Cái Lân
- Chủ tịch HĐQTV Cty TNHH MTV La ngã – Đồng Nai
- Thành viên HĐQTV Cty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn
- Tổng số cổ phần nắm giữ :
- Cá nhân sở hữu : 2.700 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f) Bà Nguyễn Thị Phương Loan – Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thị Phương Loan
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 05/10/1969
 Nơi sinh : Hà Tĩnh
 CMND/ Hộ chiếu : 201674357
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 02/11/2010
 Nơi cấp : Đà Nẵng
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : T1-12A-17 Times City – 458 Minh Khai, phường Vĩnh
 Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại : 04 36410799
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
1992 – 05/2002	Kế toán trưởng – Xí nghiệp dịch vụ Công ty Lâm sản Kon Hà Nừng, KBang, Gia Lai
6/2002 – 6/2008	Giám đốc – Xí nghiệp – Công ty cổ phần Kon Hà Nừng, KBang, Gia Lai
7/2008 – 7/2009	Giám đốc – Chi nhánh Công ty MDF Gia Lai tại Đà Nẵng
8/2009 – 9/2013	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
03/2012 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cẩm Hà
10/2013 – nay	Kế toán trưởng – Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần

Chức vụ tại công ty : Kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cẩm Hà

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân sở hữu : 2.000 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu Bộ NN&PTNT : 26.775.000 cổ phần, chiếm 7,65% vốn điều lệ



Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Tổng Công ty. Cụ thể là:

- Ban hành quy chế quản trị Tổng Công ty phù hợp với các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quy định hiện hành.
- Hoàn thiện định hướng phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Tổng Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Tổng Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

III. PHỤ LỤC

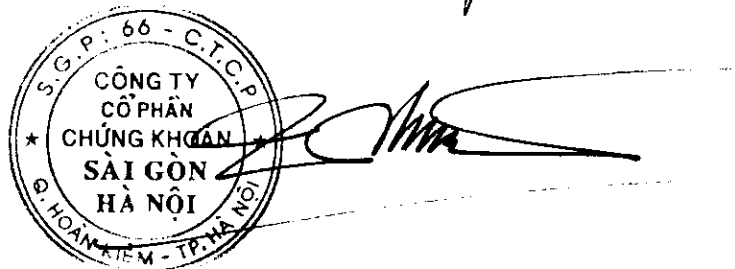
1. Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 02: BCTC kiểm toán năm 2015 (mẹ và hợp nhất);

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2016
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cao Văn Thù

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiến